

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ban hành theo Quyết định số 10./ QĐCTr-ND ngày 1.6. /2023
của Hiệu trưởng Trường trung cấp nghề Nhân Đạo)

Tên nghề: **CHĂM SÓC SẮC ĐẸP**

Mã nghề: 5810404

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông và tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo: 02 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo trình độ trung cấp Chăm sóc sắc đẹp, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tự tạo việc làm, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, dịch vụ về chăm sóc sắc đẹp

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

- + Mô tả được vị trí, vai trò của nghề Chăm sóc sắc đẹp và đặc trưng của hoạt động Chăm sóc sắc đẹp;
 - + Mô tả được hoạt động của các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon;
 - + Trình bày được các quy trình kỹ thuật cơ bản của Chăm sóc sắc đẹp: Chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm, chăm sóc khách hàng, chăm sóc chuyên sâu về da, quy trình massage bấm huyệt và các dịch vụ khác;
 - + Tiếp nhận, hiểu rõ các yêu cầu phản hồi của khách hàng về dịch vụ;
 - + Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, mỹ phẩm chủ yếu của các kỹ thuật trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp và giải thích công dụng của chúng;
 - + Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong Cơ sở làm đẹp để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;
 - + Trình bày được các tiêu chuẩn 5S tại nơi làm việc;
 - + Mô tả quy trình vận hành kết nối mạng tại cơ sở làm việc;
 - + Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.
- ##### - Kỹ năng:
- + Phục vụ được khách hàng tại các vị trí công việc của các dịch vụ chăm sóc da;
 - + Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc toàn thân;
 - + Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc móng;
 - + Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc tóc
 - + Thực hiện các kỹ thuật tạo mẫu tóc
 - + Thực hiện các kỹ thuật cắt tóc nam

- + Thực hiện các kỹ thuật trang điểm thẩm mỹ theo đúng tiêu chuẩn;
- + Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc chuyên sâu về da;
- + Thực hiện các kỹ thuật Massage bấm huyệt;
- + Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị, mỹ phẩm của cơ sở làm đẹp;
- + Xây dựng được các kế hoạch về tiếp thị dịch vụ;
- + Thực hiện công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả;
- + Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách;
- + Ứng dụng thành thạo ít nhất một phần mềm quản lý cơ sở làm đẹp trong công việc hàng ngày.

+ Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

+ Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;
- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong cơ sở làm đẹp;
- Quan tâm, chăm sóc khách hàng với thái độ lịch sự, thân thiện;
- Tuân thủ các quy định về pháp luật trong kinh doanh dịch vụ làm đẹp;
- Tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

1.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tiếp đón, chăm sóc khách hàng
- Tư vấn chăm sóc sắc đẹp
- Chăm sóc da mặt
- Chăm sóc da toàn thân
- Chăm sóc chuyên sâu về da
- Chăm sóc móng
- Trang điểm chuyên
- Massage bấm huyệt.
- Thợ phụ chăm sóc tóc
- Thợ chánh tạo mẫu tóc

1.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Chăm sóc sắc đẹp trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 21
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 63 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung: 315 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1255 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 384 giờ; Thực hành, thực tập, bài tập, thảo luận: 1113 giờ, kiểm tra 73 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã môn học/ mô đun	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập /bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	15	315	109	191	15
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
MH 07	Kỹ năng sống	3	60	15	43	2
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	48	1255	275	922	58
<i>II.1</i>	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	4	90	30	54	8
MH 08	Vệ sinh phòng bệnh	2	45	15	26	4
MH 09	Nghệ thuật trang trí	2	45	15	26	4
<i>II.2</i>	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	44	1165	245	870	50
MĐ 10	Kỹ thuật chăm sóc tóc	5	120	30	80	10
MĐ 11	Kỹ thuật tạo mẫu tóc	5	120	30	84	6
MĐ 12	Kỹ thuật cắt tóc nam	3	60	15	41	4

Mã môn học/ mô đun	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập /bài tập/thảo luận	Kiểm tra
MĐ 13	Kỹ thuật chăm sóc móng	3	75	20	51	4
MĐ 14	Kỹ thuật vẽ móng	3	75	20	51	4
MĐ 15	Kỹ thuật đắp móng	3	60	15	42	3
MĐ 16	Kỹ thuật chăm sóc và điều trị da mặt chuyên sâu	4	100	30	66	4
MĐ 17	Kỹ thuật chăm sóc và thư giãn toàn thân	4	90	30	56	4
MĐ 18	Kỹ thuật trang điểm căn bản	2	45	15	27	3
MĐ 19	Kỹ thuật trang điểm nâng cao	3	75	20	51	4
MĐ 20	Kỹ thuật trang điểm cô dâu	3	75	20	51	4
MĐ 21	Thực tập tốt nghiệp	6	270		270	
Tổng cộng		63	1570	384	1113	73

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Phạm vi áp dụng: Chương trình này được sử dụng tại trường Trung cấp nghề Nhân Đạo.

4.2. Các môn học chung đã được tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng dựa trên chương trình chi tiết các môn học chung của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

4.3. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường tổ chức bố trí cho người học tham quan, học tập tại một số xưởng, nhà máy sản xuất;
- Để giáo dục truyền thống dân tộc, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội Trường tổ chức cho người học tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;
- Hội diễn văn nghệ nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hàng năm, các giải thể dục thể thao cấp trường;
- Nghe nói chuyện thời sự, chuyên đề.

4.4. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

- Nhà giáo thực hiện phương pháp, đánh giá người học khi kết thúc môn học, mô đun (ôn tập, biên soạn đề thi) theo Quy định cách thức thi hết môn học/mô đun đã được Hiệu trưởng quy định trong chương trình khung của nghề;

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun theo đúng quy định trong tiến độ đào tạo Ban Giám hiệu đã phê duyệt theo từng học kỳ năm học;
- Trước khi kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, Nhà giáo bộ môn phải hoàn chỉnh đầy đủ số lần kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên;
- Việc tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun (đề thi, chấm thi, tổng kết điểm, công bố điểm,...) theo đúng đúng quy chế thi, kiểm tra do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường quy định.

4.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Căn cứ quyết định công nhận người học trúng tuyển đầu khóa học có xác định phương thức đào tạo, cuối khóa học người học được Trường tổ chức 01 trong 02 phương thức sau:

a. Phương thức đào tạo theo niên chế:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng nghề và có đủ điều kiện (theo quy chế kiểm tra và công nhận trình độ trung cấp) thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

- Căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học; quy định nội quy thi, kiểm tra và công nhận trình độ trung cấp để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường.

b. Phương thức đào tạo tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ

- Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng nghề thì sẽ được xét điều kiện tốt nghiệp.

- Căn cứ vào kết quả thi kết thúc môn học/mô đun của người học; quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ (học tập, nội quy thi, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp) đối với người học trình độ trung cấp để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường.

4.5. Các chú ý khác

- Khi xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khoá và tiến độ thực hiện giảng dạy từng năm cần chú ý: Số giờ phân bổ trong bảng danh mục các môn học/ mô đun là số giờ đã quy chuẩn (01 giờ lý thuyết là 45 phút, 01 giờ thực hành là 60 phút, 01 giờ tích hợp là 60 phút); nên khi triển khai phải quy đổi lại số giờ thực hành cho đủ và khớp với giờ đồng hồ, khớp với số tuần phân bổ:

01 tuần học tập = 30 giờ chuẩn = 30 giờ lý thuyết = 40 giờ thực hành.

- Số giờ dành cho kiểm tra kết thúc môn học/ mô đun chưa được tính vào thời gian của từng môn học mô đun nên khi xây dựng kế hoạch toàn khoá và tiến độ năm học cần cộng thêm thời gian dành cho "kiểm tra, thi"; thời gian đó là 02 tuần.



Giảng Văn Chải